TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN K** **TỈNH NINH BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHIA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2024/HS-ST
Ngày: 26 - 04 -2024.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, TỈNH NINH BÌNH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Khanh.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Nghi và bà Trần Thị Lệ Dung.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Thúy Lan – Thư ký Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa:*** Ông Trần Quang Toại - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 04 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện K xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 17/2024/TLST- HS ngày 21 tháng 03 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2024/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 4 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. Cầm Thị N, sinh năm 1987 tại Huyện M, tỉnh Sơn La. Nơi ĐKHKTT: Bản B, xã M, huyện M, tỉnh Sơn La. Nơi cư trú: Số 2, ngõ 15, phố T, thị trấn P, huyện K, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 8/12; dân tộc: Thái; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Cầm Văn C và bà Quàng Thị O. Bị cáo có chồng là Lê Trọng Q (đã ly hôn) và có ba con, con lớn nhất sinh năm 2007, con nhỏ nhất 2012.

Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn bị tạm giữ ngày 07/10/2023, chuyển tạm giam từ ngày 10/10/2023 đến nay tại Trại tạm giam - Công an tỉnh Ninh Bình; có mặt.

2. Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1995 tại huyện K, tỉnh Ninh Bình. Nơi ĐKHKTT: Xóm K, xã V, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Nơi cư trú: Số 2, ngõ 15, phố T, thị trấn P, huyện K, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Công giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn D và bà Nguyễn Thị N1. Bị cáo chưa có vợ con.

Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn bắt tạm giam từ ngày 22/01/2024 cho đến nay tại Nhà tạm giữ - Công an huyện K; có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Anh Trần Đại T, sinh năm 1981. Địa chỉ: 17/150 N, phố V, phường T, thành phố N, tỉnh Ninh Bình; vắng mặt.

+ Anh Điền Đức Đ1, sinh năm 1987. Địa chỉ: Thôn Đ, xã N, thành phố Ninh Bình; vắng mặt.

+ Chị Hoàng Thị N2, sinh năm 1992. Địa chỉ: Thôn 1, xã T, huyện T, tỉnh Nam Định; vắng mặt.

+ Chị Phạm Thị T1, sinh năm 1973. Địa chỉ: Tổ 4, phố P, thị trấn P, huyện K, tỉnh Ninh Bình; vắng mặt.

Người làm chứng: Bà Vũ Thị C1; có mặt.

Ông Trần Đức B; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Cầm Thị N và Nguyễn Văn Đ có quan hệ tình cảm và chung sống với nhau như vợ chồng. Đầu tháng 8/2023, cả hai ký hợp Đ1 thuê nhà nghỉ "Thiên Long" của vợ chồng ông Trần Đức B sinh năm 1954 và bà Vũ Thị C1 sinh năm 1955 ở số 2, ngõ 15, phố T, thị trấn P, huyện K, tỉnh Ninh Bình với giá 15.000.00đồng/tháng để kinh doanh phòng nghỉ. Do ít khách thuê phòng nên N nảy sinh ý định chứa mại dâm tại nhà nghỉ để có thêm thu nhập. N bàn bạc, thống nhất với Đ sẽ thu của khách đến mua dâm từ 250.000 - 300.000đồng/1 lần mua dâm. Số tiền thu được sẽ trả cho người bán dâm một nửa, còn lại để chi tiêu cá nhân cho cả hai và trả tiền thuê nhà nghỉ, Đ Đ1 ý. Thời gian đầu, N quản lý chung, nếu khách có nhu cầu N sẽ trực tiếp bán dâm, Đ dọn dẹp, điều hành gọi người đến bán dâm và bố trí phòng, số tiền có được do N quản lý. Từ ngày 05/10/2023, N thuê chị Phạm Thị T1 sinh năm 1973 trú tại tổ 4, phố P, thị trấn P, huyện K đến để dọn dẹp nhà nghỉ.

Khoảng 12 giờ 15 phút ngày 07/10/2023, khi N và T1 đang ở nhà nghỉ thì Trần Đại T sinh năm 1981 trú tại số nhà 17/150, đường N, phố V, phường T, thành phố N, tỉnh Ninh Bình đến nhà nghỉ để mua dâm. Đến nơi,T để 300.000Đ1 trên mặt bàn quầy và yêu cầu gọi người đến bán dâm, N đồng ý, đưa điều khiển điều hòa và hướng dẫn T lên phòng 209. Khi T lên phòng, N sử dụng điện thoại di động nhãn hiệu Nokia lắp sim số "0964.503.2xx" gọi điện đến số điện thoại "0918.301.8xx" của Hoàng Thị N2 sinh năm 1992 trú tại thôn 1, xã T, huyện T, tỉnh Nam Định đến để bán dâm. Khi đến nơi, N bảo N2 lên phòng 209 để bán dâm cho T.

Khoảng 12 giờ 30 phút cùng ngày, Điền Đức Đ1 sinh năm 1987 trú tại thôn Đ, xã N, thành phố N, tỉnh Ninh Bình đến nhà nghỉ để mua dâm. Tại đây, Đ1 gặp N và T1, T1 hỏi Đ1 đến thuê nhà nghỉ nhưng Đ1 không nói gì mà đến thẳng chỗ N đang ngồi, để 300.000 đồng trên mặt bàn quầy và yêu cầu gọi người đến bán dâm, N Đ1 ý rồi đưa điều khiển điều hòa và hướng dẫn Đ1 lên phòng 207. Sau đó N trực tiếp lên phòng 207 để bán dâm cho Đ1.

Đến 12 giờ 45 cùng ngày, Tổ công tác của Phòng Cảnh sát hình sự - Công an tỉnh Ninh Bình và Công an thị trấn P đến kiểm tra nhà nghỉ phát hiện tại phòng 209 có Trần Đại T và Hoàng Thị N2; phòng 207 có Điền Đức Đ1 và Cầm Thị N đang có hành vi mua bán dâm. Tổ công tác đã lập biên bản bắt người phạm tội quả tang.

Thu giữ tại quầy lễ tân 01 sổ quản lý kinh doanh dịch vụ lưu trú, 01 quyển sổ ghi chép; Thu tại tủ kính 09 bao cao su các loại chưa qua sử dụng; Thu tại phòng 207, 209 có 02 bao cao su đã qua sử dụng và 02 vỏ bao cao su; Thu của Cầm Thị N 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia lắp sim số "09645032xx", 01 điện thoại Iphone 11 lắp sim số "0349.632.1xx" và số tiền 2.400.000 đồng; Thu của Phạm Thị T1 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo lắp sim số "0989.516.5xx"; Thu của Hoàng Thị Ngọc 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 lắp sim số "0918.301.8xx".

Quá trình điều tra Cầm Thị N và Nguyễn Văn Đ đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Tại bản Cáo trạng số 21/CT-VKS - KS ngày 20/03/2024 Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình truy tố các bị cáo Cầm Thị N và Nguyễn Văn Đ về tội: "Chứa mại dâm" theo quy định tại khoản 1, 5 Điều 327 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà Kiểm sát viên tham gia phiên toà giữ nguyên quyết định truy tố như nội dung bản cáo trạng và đề nghị Hội Đ1 xét xử:

Tuyên bố: Các bị cáo Cầm Thị N và Nguyễn Văn Đ phạm tội: Chứa mại dâm

+ Căn cứ khoản 1, khoản 5 Điều 327; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với cả hai bị cáo Cầm Thị N và Nguyễn Văn Đ.

Xử phạt bị cáo Cầm Thị N từ 15 (*mười lăm*) đến 18 (*mười tám*) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ bị cáo là ngày 07/10/2023.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Đ từ 12 (*mười hai*) đến 15 (*mười lăm*) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam từ ngày 22/01/2024.

Phạt bổ sung các bị cáo Cầm Thị N và Nguyễn Văn Đ mỗi bị cáo từ 10 triệu đồng đến 15 triệu đồng để sung ngân sách nhà nước

Về xử lý vật chứng và áp dụng các biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 47 Bộ luật Hình sự xử lý như sau:

- Tịch thu tiêu hủy 01 quyển sổ ghi chép; 09 bao cao su chưa qua sử dụng, 02 bao cao su đã qua sử dụng và 02 vỏ bao cao su được niêm phong trong 02 phong bì

- Tịch thu sung ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động Nokia 105 thu giữ của Cầm Thị N.

- Tịch thu sung ngân sách nhà nước số tiền 600.000đ do liên quan đến việc phạm tội.

- Trả lại cho bị cáo Cầm Thị N 01điện thoại di động Iphone 11 và số tiền 1.800.000đ do không liên quan đến việc phạm tội nhưng tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án.

Về án phí: Buộc các bị cáo Cầm Thị N và Nguyễn Văn Đ phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo không có ý kiến bào chữa, tranh luận gì và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bản thân các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên toà các bị cáo Cầm Thị N và Nguyễn Văn Đ đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng truy tố. Lời khai của các bị cáo phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án, phù hợp biên bản bắt người phạm tội quả tang lập hồi 12 giờ 45 phút ngày 07 tháng 10 năm 2023 tại số nhà 2, ngõ 15, phố T, thị trấn P, huyện K, tỉnh Ninh Bình và phù hợp với các vật chứng đã thu giữ cũng như các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy có đủ cơ sở kết luận: Cầm Thị N là người có hành vi khởi sướng ra việc dùng nhà nghỉ đã thuê kinh doanh để chứa mại dâm và trực tiếp bán dâm nhằm thu lời bất chính. Khoảng 12 giờ 15 phút ngày 07/10/2023, tại nhà nghỉ N đã chứa việc mua, bán dâm giữa Trần Đại T và Hoàng Thị N2 và khoảng 12 giờ 30 phút cùng ngày, N trực tiếp bán dâm cho Điền Đức Đ1 và thu của Thuỳ, Đ1 mỗi người 300.000đồng.

Nguyễn Văn Đ là người cùng kinh doanh nhà nghỉ với Cầm Thị N, Đ1 ý việc chứa mại dâm tại nhà nghỉ, hưởng lợi từ việc mua, bán dâm. Hành vi của Nguyễn Văn Đ là Đ1 phạm với Cầm Thị N.

[2] Đối chiếu với quy định của pháp luật hình sự thấy hành vi, tội danh và điều khoản áp dụng tại cáo trạng, lời luận tội, các chứng cứ buộc tội các bị cáo như Kiểm sát viên trình bày tại phiên toà là có căn cứ. Hành vi phạm tội của các bị cáo N và Đ đã đủ yếu tố cấu thành tội: "Chứa mại dâm". Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1, 5 Điều 327 Bộ luật hình sự.

"Điều 327. Tội chứa mại dâm.

1. Người nào chứa mại dâm, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.

...

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt quản chế từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.

[3] Vụ án có tính chất nghiêm trọng, hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Đã xâm phạm trực tiếp đến trật tự công cộng, các quy tắc đạo đức thuần phong mỹ tục của dân tộc được pháp luật bảo vệ. Hành vi chứa mại dâm xảy ra không những tác động tiêu cực đến nếp sống văn minh, nhân cách của con người mà còn gây nên những thiệt hại về vật chất, tinh thần cho nhiều gia Đ cá nhân làm phát sinh nhiều loại tội phạm và tệ nạn xã hội khác và là nguyên nhân gây nên các căn bệnh HIV/ AIDS và các căn bệnh xã hội nguy hiểm khác. Các bị cáo N và Đ là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự và biết rõ việc mình làm là vi phạm pháp luật nhưng chỉ vì mục đích kiếm tiền của bản thân mà các bị cáo vẫn cố ý thực hiện.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Do vậy các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] Xét tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân và tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của từng bị cáo Hội đồng xét xử thấy: Đây là vụ án có hai bị cáo tham gia nhưng hành vi của các bị cáo mang tính chất giản đơn nên khi xem xét, quyết định hình phạt cần phân tích đánh giá vị trí, vai trò của của từng bị cáo để cá thể hóa mức hình phạt cho phù hợp.

Đối với bị cáo Cầm Thị N giữ vai trò chính trong vụ án là trực tiếp quản lý, trông coi nhà nghỉ, khi khách đến có nhu cầu mua dâm bị cáo là người trực tiếp thu xếp phòng cho khách thu tiền của khách và gọi gái mại dâm đến để thực hiện việc bán dâm. Trong khi không còn gái bán dâm phục vụ cho khách thì bị cáo trực tiếp bán dâm cho khách để thu tiền. Do vậy hình phạt áp dụng cho bị cáo N là cao hơn bị cáo Đ.

Đối với bị cáo Nguyễn Văn Đ giữ vai trò thứ hai trong vụ án, Nguyễn Văn Đ là người cùng quản lý, kinh doanh nhà nghỉ với Cầm Thị N, trong qua trình hoạt động kinh doanh nhà nghỉ Đ đã đồng ý việc chứa mại dâm tại nhà nghỉ, đồng thời hưởng lợi từ việc mua, bán dâm. Hành vi của bị cáo Nguyễn Văn Đ là Đ1 phạm với bị cáo Cầm Thị N và tham gia với vai trò giúp sức cho bị cáo N trong việc chứa mại dâm. Do vậy vai trò của bị cáo Đ là thấp hơn bị cáo N trong vụ án này.

[6] Căn cứ quy định của Bộ luật Hình sự, cân nhắc tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo. Hội đồng xét xử nhận thấy cần có hình phạt thật nghiêm khắc là áp dụng hình phạt tù có thời hạn buộc các bị cáo phải cách ly ra khỏi đời sống xã hội một thời gian tương xứng với tính chất, mức độ hành vi mà các bị cáo đã thực hiện mới có đủ điều kiện giáo dục bị cáo thành công dân có ích cho gia đình và xã hội. Như vậy mới có tác dụng đấu tranh phòng ngừa chung.

Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo phạm tội nhằm thu lời bất chính nhưng qua xác minh tại địa phương do các bị cáo không có công ăn việc làm ổn định và không có tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Ngoài hành vi chứa mại dâm bị cáo N còn có hành vi trực tiếp bán dâm cho Điền Đức Đ1 nên Công an huyện K đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với bị cáo N. Bị cáo Cầm Thị N gọi điện cho Hoàng Thị N2 đến bán dâm cho Trần Đại T ngay tại Nhà nghỉ thuộc quyền quản lý của N nên hành vi của bị cáo N không có dấu hiệu của tội "Môi giới mại dâm".

Đối với hành vi mua dâm của Trần Đại T, Điền Đức Đ1; Hành vi bán dâm của Hoàng Thị N2, đã vi phạm lĩnh vực hành chính trong lĩnh vực an ninh trật tự, anh toàn xã hội. Công an huyện K cũng đã xử phạt vi phạm hành chính đối với T, Đ1, N2 theo quy định của pháp luật.

Đối với Nguyễn Thị T1 là người được bị cáo Cầm Thị N thuê để dọn dẹp nhà nghỉ. Ngày 07/10/2023, T1 không biết, không tham gia với N trong việc chứa

mại dâm tại nhà nghỉ TLvà không được hưởng lợi từ việc này. Do đó T1 không Đ1 phạm với bị cáo Cầm Thị N về tội "Chứa mại dâm".

Đối với ông Trần Đức B và bà Vũ Thị C1 là người cho bị cáo Cầm Thị N và bị cáo Nguyễn Văn Đ thuê nhà nghỉ để kinh doanh phòng nghỉ, không biết việc các bị cáo chứa mại dâm tại nhà nghỉ nên không phạm tội.

[7] Về xử lý vật chứng và áp dụng biện pháp tư pháp: 01 điện thoại di động Oppo kèm theo sim của Phạm Thị T1; 01 điện thoại Iphone 7 kèm theo sim của Hoàng Thị N2; 01 sổ quản lý kinh doanh dịch vụ lưu trú là tải sản của ông Trần Đức B (chủ nhà nghỉ) không liên quan đến vụ án. Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện K đã trả lại cho T1, N2 và ông B. Việc trả lại các vật chứng trên của Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện K là đúng về trình tự, thủ tục và thẩm quyền do vậy Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Những vật chứng còn lại của vụ án căn cứ vào Điều 47 BLHS và Điều 106 BLTTHS xử lý như sau:

- Số tiền 1.950.000đ thu giữ của bị cáo N trong đó có 150.000đ liên quan đến việc phạm tội cần tịch thu sung ngân sách nhà nước. Số tiền còn lại 1.800.000đ không liên quan đến việc phạm tội nay trả lại cho bị cáo nhưng tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án.

- Số tiền 450.000đ thu giữ của chị Phạm Thị T1 trong đó có 150.000đ bị cáo N đưa để chị T1 trả cho chị N2 và 300.000đ tiền khách vừa trả đang kẹp trong quyển sổ lưu trú, hai khoản tiền trên do liên quan đến việc phạm tội nên cần tịch thu sung ngân sách nhà nước.

Đối với 01điện thoại di động Nokia 105 thu giữ của bị cáo Cầm Thị N (bỏ trong phong bì niêm phong). Do bị cáo sử dụng liên lạc gọi N2 đến bán dâm cho khách và liên quan đến việc phạm tội nên nay cần tịch thu để sung ngân sách nhà nước (tiêu hủy sim gắn trong điện thoại).

Đối với 01điện thoại di động Iphone 11 thu giữ của bị cáo Cầm Thị N. Do không liên quan đến việc phạm tội nên nay cần trả lại cho bị cáo nhưng tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án.

Đối với 01 quyển sổ ghi chép; 09 bao cao su chưa qua sử dụng, 02 bao cao su đã qua sử dụng và 02 vỏ bao cao su được niêm phong trong 02 phong bì. Đây là vật chứng không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

[8] Về án phí: Các bị cáo Cầm Thị N, Nguyễn Văn Đ là những người bị kết án nên phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[9] Về tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra Công an huyện K, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện K, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến, khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 327; điểm s khoản 1 Điều 51của Bộ luật Hình sự đối với cả hai bị cáo Cầm Thị N và Nguyễn Văn Đ.

Căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự và Điều 47 Bộ luật Hình sự.

Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1.**Tuyên bố: C**ác bị cáo Cầm Thị N, Nguyễn Văn Đ phạm tội: "Chứa mại dâm".

Xử phạt bị cáo Cầm Thị N 16 (*mười sáu*) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ bị cáo là ngày 07 tháng 10 năm 2023.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Đ 14 (*mười bốn*) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam bị cáo là ngày 22 tháng 01 năm 2024.

2.Về xử lý vật chứng và áp dụng biện pháp tư pháp:

- Tịch thu tiêu hủy : 01 quyển sổ ghi chép; 09 bao cao su chưa qua sử dụng, 02 bao cao su đã qua sử dụng và 02 vỏ bao cao su được niêm phong trong 02 phong bì

- Tịch thu sung ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động Nokia 105 bỏ trong phong bì niêm phong (tiêu hủy sim lắp trong điện thoại)

- Tịch thu sung ngân sách nhà nước số tiền 600.000đ do liên quan đến việc phạm tội.

- Trả lại cho bị cáo Cầm Thị N 01 điện thoại di động Iphone 11 và số tiền 1.800.000đ nhưng tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án.

(*Chi tiết vật chứng như trong biên bản giao nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng ngày 26 tháng 3 năm 2024 và Giấy ủy nhiệm chi chuyển khoản, chuyển tiền ngày 29 tháng 3 năm 2024 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện K và Chi cục thi hành án dân sự huyện K*).

3.Về án phí: Bị cáo Cầm Thị N và Nguyễn Văn Đ mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ án phí hình sư sơ thẩm để sung ngân sách nhà nước.

Án xử sơ thẩm công khai, các bị cáo có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (26/04/2024). Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật

Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

- TAND tỉnh Ninh Bình: 01 bản
- VKSND tỉnh Ninh Bình: 01 bản.
- VKSND huyện K: 02 bản
- Trại tạm giam Công an tỉnh Ninh Bình: 01 bản
- Cơ quan Điều tra CA huyện K : 01 bản
- Cơ quan THA hình sự CA huyện K : 01 bản.
- Sở tư pháp tỉnh Ninh Bình: 01 bản.
- Chi cục THA dân sự huyện K: 01 bản
- Bị cáo: 02 bản
- Người có QLNVLQ đến vụ án: 04 bản.
- Lưu hồ sơ: 01 bản.
- Lưu VP: 02 bản.

T/M HỘI Đ1 XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Trần Thị Khanh